

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2018
V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Phú.

2/ Bà Lê Thị Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Ngô Minh Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2/ *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Như H, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2018 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Ngô Minh Đ, như sau:

Ông và bà Phạm Thị Như H tìm hiểu quen biết từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 7 năm 2016 được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng đến tháng 01 năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh L.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống cùng bên gia đình vợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng từ đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do phải sống cùng gia đình bên vợ nên ông không đồng ý và có yêu cầu vợ chồng về sống chung với cha mẹ ông nhưng vợ ông không đồng ý. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đã ly thân từ ngày 15/7/2018 cho đến nay.

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Như H.

Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Vỹ K, sinh ngày 21/7/2017, hiện đang sống với bà H. Ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con nhưng không đồng ý cấp dưỡng vì hiện tại đang thất nghiệp nên không có thu nhập để cấp dưỡng.

Về tài sản: Khi cưới cha mẹ của ông có cho vợ chồng 09 chỉ vàng 24 kara (Nhưng không nhớ rõ là trang sức gì) và 01 chỉ vàng 18 kara (02 chiếc nhẫn cưới, mỗi chiếc 0,5 chỉ) và bên cha mẹ vợ cho 02 chỉ vàng 24 kara (02 chiếc nhẫn). Nhẫn cưới thì mỗi người giữ 01 chiếc, số vàng còn lại là 11 chỉ vàng 24 kara do bà H giữ. Tuy nhiên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tài sản này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, bà Phạm Thị Như H, trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Minh Đ về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ nghe lời mẹ chứ không liên quan đến việc ông Đ phải ở cùng gia đình bà vì gia đình bà rất thương ông Đ.

Nay do ông Ngô Minh Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn nên bà cũng đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Vỹ K, sinh ngày 21/7/2017 hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản: Bà thống nhất khi cưới vợ chồng có tài sản chung do cha mẹ hai bên cho như ông Đ đã trình bày là 11 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 krara. Số vàng 18 kara là 02 chiếc nhẫn cưới, hiện mỗi người giữ 01 chiếc. Riêng đối với 11

chỉ vàng 24 kara đã được vợ chồng bán khi bà mang thai, sinh con và nuôi con nên nay không còn.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ngô Minh Đ yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với bà Phạm Thị Như H là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Minh Đ và bà Phạm Thị Như H xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03/2017 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh L chứng nhận ngày 04/01/2017 là hôn nhân hợp pháp. Ông Đ yêu cầu được ly hôn lý do bà H không đồng ý về sống cùng gia đình ông Đ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngược lại, bà H cho rằng lý do dẫn đến mâu thuẫn là do ông Đ quá nghe lời cha mẹ nên mới làm đơn ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa cả hai xác nhận hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống và đều thống nhất thuận tình ly hôn, xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Ông Ngô Minh Đ và bà Phạm Thị Như H có 01 con chung tên Ngô Vỹ K, sinh ngày 21/7/2017, hiện đang sống với bà H. Ông Đ và bà H thống nhất để bà H tiếp tục nuôi con. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp với điều kiện chăm sóc cho cháu Vỹ K vì cháu mới 13 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Bà Phạm Thị Như H yêu cầu ông Ngô Minh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Ngược lại ông Đ không đồng ý cấp dưỡng vì cho rằng hiện tại đang thất nghiệp. Việc ông Đ đang thất nghiệp cũng được bà H thừa nhận. Tuy nhiên việc cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con là nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do đang thất nghiệp là không hợp lý vì cháu Vỹ K mới có 13 tháng tuổi trong khi việc cấp dưỡng nuôi con là khoảng thời gian rất dài, trong thời này ông Đ có thể tìm kiếm việc làm, tạo thu nhập, nên lý do của ông Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số

tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của bà H là 1.500.000đ tuy không quá cao nhưng xét hiện ông Đ đang thất nghiệp, không có thu nhập ngay nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là mỗi tháng là 1.000.000đ. Khi điều kiện thay đổi bà H có thể làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng này.

[4] Về chia tài sản: Do ông Đ và bà H không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Đức và bà Huỳnh xác định không có nợ nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Ngô Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đ và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Minh Đ và bà Phạm Thị Như H.

2/ Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Như H được tiếp tục nuôi con tên Ngô Vỹ K, sinh ngày 21/7/2017. Ông Ngô Minh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2018) cho đến khi có các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con còn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản chung: Ông Ngô Minh Đ và bà Phạm Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Ngô Minh Đ và bà Phạm Thị Như H xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Ông Ngô Minh Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 6459, ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Ngô Minh Đ còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã B, huyện T;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Quốc Dũng